

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 46
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm từ ngày 20/11/2015)
Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Tổng Giám đốc	(Chuyển công tác từ ngày 01/01/2015)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng Ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cần	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu

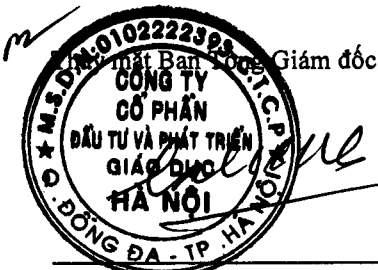
- đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Vũ Bá Khánh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 24/03/2016, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, các khoản Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Người mua trả tiền trước ngắn hạn và Hàng gửi bán được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty liên kết này chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Bằng các thủ tục thay thế khác, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục nêu trên được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty liên kết này với số tiền tại ngày 01/01/2015 lần lượt là 5,26 tỷ VND, 5,49 tỷ VND và 6,32 tỷ VND; tại ngày 31/12/2015 lần lượt là 5,40

tỷ VND, 6,42 tỷ VND và 8,96 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại Đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phó Tổng Giám đốc

Chị Thị Hà

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0725-2013-002-1

Nguyễn Trường Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2290-2013-002-1

Hà nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		251.898.448.060	209.564.585.311
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	35.508.880.544	49.219.443.206
111	1. Tiền		15.508.880.544	29.219.443.206
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	20.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	15.989.800	16.503.900
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(102.786.600)	(102.272.500)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		65.867.488.098	61.651.503.825
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	41.165.980.979	38.578.411.193
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		25.233.294.906	23.395.750.939
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	5.320.287.647	5.220.019.867
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.852.075.434)	(5.542.678.174)
140	IV. Hàng tồn kho	8	135.374.766.391	87.271.455.894
141	1. Hàng tồn kho		146.295.508.059	90.218.045.700
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.920.741.668)	(2.946.589.806)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.131.323.227	11.405.678.486
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	14.777.193.810	11.068.958.433
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		54.986.516	111.688.435
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	299.142.901	225.031.618

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		123.157.545.311	131.895.994.308
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.139.800.000	4.139.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	4.139.800.000	4.139.800.000
220	II. Tài sản cố định		3.292.468.253	607.485.274
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.292.468.253	607.485.274
222	- Nguyên giá		6.736.372.484	3.742.595.211
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.443.904.231)	(3.135.109.937)
230	III. Bất động sản đầu tư	10	74.158.061.018	77.647.852.118
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.086.716.625)	(9.596.925.525)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.999.011.818	4.541.011.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.999.011.818	4.541.011.818
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	13.128.055.344	17.638.592.915
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.378.055.344	12.888.592.915
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		750.000.000	4.750.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		23.440.148.878	27.321.252.183
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	7.365.225.619	8.727.272.728
269	2. Lợi thế thương mại	13	16.074.923.259	18.593.979.455
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		375.055.993.371	341.460.579.619

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		154.830.414.051	135.876.373.484
310	I. Nợ ngắn hạn		153.473.570.651	134.154.168.484
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	29.524.730.566	30.094.182.360
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.548.472	50.285.105
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.680.471.338	2.191.900.356
314	4. Phải trả người lao động		8.030.424.441	3.698.011.979
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	20.729.715.998	3.878.550.201
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	10.227.273
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	716.937.261	665.370.124
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	88.211.121.788	88.858.069.358
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.572.620.787	4.707.571.728
330	II. Nợ dài hạn		1.356.843.400	1.722.205.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.356.843.400	1.722.205.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		220.225.579.320	205.584.206.135
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	220.225.579.320	205.584.206.135
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	24.166.950
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(3.200.876.950)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		34.868.448.349	29.010.550.892
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.841.038.561	10.270.524.238
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.570.436.462	19.479.841.005
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(955.602.602)	(2.465.331.062)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		22.526.039.064	21.945.172.067
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		375.055.993.371	341.460.579.619



Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	481.745.979.715	380.985.185.912
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	7.402.094.172	6.188.144.958
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		474.343.885.543	374.797.040.954
11	4. Giá vốn hàng bán	23	357.622.738.406	284.218.178.706
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		116.721.147.137	90.578.862.248
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.932.400.997	439.699.402
22	7. Chi phí tài chính	25	5.837.055.372	8.214.981.590
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.674.508.613	6.221.659.380
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		373.574.935	1.450.183.110
25	9. Chi phí bán hàng	26	47.678.029.788	30.160.801.991
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	23.277.983.334	17.157.165.143
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		42.234.054.575	36.935.796.036
31	12. Thu nhập khác	28	575.464.523	237.714.470
32	13. Chi phí khác	29	1.222.752.869	479.146.702
40	14. Lợi nhuận khác		(647.288.346)	(241.432.232)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		41.586.766.229	36.694.363.804
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	9.598.088.206	8.141.191.256
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>31.988.678.023</u>	<u>28.553.172.548</u>
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		31.988.678.023	28.553.172.548
70	19. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	31	2.139	1.960



Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016

[Handwritten signature]

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Lương Ngọc Bích
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		41.586.766.229	36.694.363.804
	2. Điều chỉnh cho các khoản		18.770.103.091	9.053.161.372
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		6.531.929.772	6.358.768.253
03	- Các khoản dự phòng		8.284.063.222	(3.088.067.359)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.720.398.516)	(439.198.902)
06	- Chi phí lãi vay		5.674.508.613	6.221.659.380
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		60.356.869.320	45.747.525.176
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.542.790.897)	(2.927.956.509)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(56.077.462.359)	(8.439.628.102)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		19.131.583.631	7.584.590.029
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.346.188.268)	(4.255.808.598)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.677.083.543)	(6.229.558.984)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.088.657.829)	(8.148.362.187)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		145.096.123	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.894.090.033)	(3.644.724.047)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.992.723.855)	19.686.076.778
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(3.666.065.455)	(2.116.061.818)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		22.727.273	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(2.800.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.600.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.332.400.997	302.448.902
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.289.062.815	(4.613.612.916)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.122.365.948	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		318.541.488.985	205.912.126.609
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(319.188.436.555)	(181.479.133.985)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.482.320.000)	(13.031.859.450)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.006.901.622)	11.401.133.174

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(13.710.562.662)	26.473.597.036
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		49.219.443.206	22.745.846.170
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>35.508.880.544</u>	<u>49.219.443.206</u>



Vũ Đức Thành

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Dương Thị Việt Hà

Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích

Người lập

1170
ÔNG T
NHÌM
G KIẾ
AA
AN KIẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Năm 2015, Công ty được thực hiện phát hành sách VNEN theo chương trình thí điểm VNEN lớp 7, năm học 2014 - 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bán đại trà sách VNEN từ lớp 2 đến lớp 6 và bán đại trà sách Tiếng anh. Điều này dẫn đến Doanh thu bán sách giáo khoa và sách tham khảo (Xem tại Thuyết minh 21) trong năm 2015 và số dư khoản mục Hàng tồn kho (trên Bảng cân đối kế toán) tại 31/12/2015 tăng mạnh so với năm 2014 và thời điểm 31/12/2014.

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện mua lại toàn bộ phần vốn góp của các cổ đông khác trong Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục để chuyển từ Công ty này từ Công ty liên kết trở thành Công ty con (sở hữu 100%).

Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 02 Công ty
- + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 là:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	100%	100%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

Công ty có 01 công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/0/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

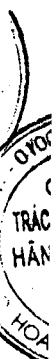
Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 38.



2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con).

Thời gian phân bổ lợi thế thương mại không quá 10 năm, bắt đầu kể từ ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con theo nguyên tắc: Việc phân bổ phải thực hiện dần đều qua các năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong năm bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ đối với hoạt động kinh doanh sách: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| - Phương tiện vận tải | 06-10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03-05 năm |

2.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá vốn của hàng tồn kho.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

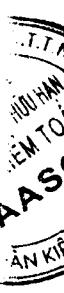
2.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.



2.21. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	173.520.734	557.055.923
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.335.359.810	28.662.387.283
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	20.000.000.000
	35.508.880.544	49.219.443.206

Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Công thương Việt Nam với lãi suất 4%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	118.776.400	15.989.800	(102.786.600)	118.776.400	16.503.900	(102.272.500)
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (STL)	74.600.000	4.800.000	(69.800.000)	74.600.000	5.539.392	(69.060.608)
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (LSS)	21.500.000	5.625.000	(15.875.000)	21.500.000	5.937.500	(15.562.500)
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (PHH)	22.400.000	5.520.000	(16.880.000)	22.400.000	4.960.000	(17.440.000)
- Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	276.400	44.800	(231.600)	276.400	67.008	(209.392)
	118.776.400	15.989.800	(102.786.600)	118.776.400	16.503.900	(102.272.500)

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2015			01/01/2015			Giá gốc	Giá trị điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ	
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ	Tỷ lệ lợi ích			Tỷ lệ quyền biểu quyết
			VND	VND	VND	VND			VND
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục ^[1]	Hà Nội		-	-	22,47%	22,47%	612.000.000	707.006.031	
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Tây	40,24%	40,24%	12.243.750.000	12.378.055.344	40,24%	40,24%	12.243.750.000	12.181.586.884
			12.243.750.000	12.378.055.344			12.855.750.000	12.888.592.915	

[1] Công ty đã thực hiện mua lại 100% vốn của Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục để chuyển từ Công ty liên kết sang thành Công ty con.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư khác	750.000.000	-	4.750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục II ^[1]	-	-	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	-	750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tia Sáng mới ^[2]	-	-	1.000.000.000	-
	750.000.000	-	4.750.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

^[1] Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 25/07/2015 giữa Bên chuyển nhượng cổ phần là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Bên nhận chuyển nhượng cổ phần là Công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 300.000 cổ phần thuộc sở hữu tại Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục II, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần cho Công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành với tổng giá trị là 3.600.000.000 VND.

^[2] Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông trong 2 đợt, cụ thể:

Đợt 1: Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 05/02/2015 giữa Bên chuyển nhượng cổ phần là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Bên nhận chuyển nhượng cổ phần là Ông Huỳnh Thông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội sẽ thực hiện chuyển nhượng 40.000 cổ phần thuộc sở hữu tại Công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Tia sáng mới), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần cho Ông Huỳnh Thông với tổng giá trị là 400.000.000 VND.

Đợt 2: Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông số 06/2015/NQ-ĐHĐCĐ-GDPT về việc chia tách công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông có thống nhất: Công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông sẽ thực hiện chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội số tiền còn lại là 600.000.000 VND. Dựa theo biên bản làm việc số 01/2015/BTCN ngày 06/03/2015 giữa các bên, Công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông đã thanh toán đầy đủ vào ngày 27/02/2015 và ngày 05/03/2015.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	5,00%	5,00%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem Thuyết minh 37.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Thanh Hóa	6.976.851.025	5.956.546.705
- Các khoản phải thu khách hàng khác	34.189.129.954	32.621.864.488
	<u>41.165.980.979</u>	<u>38.578.411.193</u>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	<u>7.682.927.965</u>	<u>5.512.406.502</u>



6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn		-		-
Tạm ứng	208.000.000	-	208.000.000	-
Phải thu khác	5.112.287.647	-	5.012.019.867	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam ^[1]	4.747.292.997	-	4.624.831.835	-
- Ông Hoàng Văn Vân	146.286.000	-	-	-
- Phải thu các đối tượng khác	218.708.650	-	387.188.032	-
	5.320.287.647		5.220.019.867	
b) Dài hạn		-		-
Ký cược, ký quỹ	39.800.000	-	39.800.000	-
Phải thu khác	4.100.000.000	-	4.100.000.000	-
- Phải thu về tiền thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ^[2]	4.100.000.000	-	4.100.000.000	-
	4.139.800.000		4.139.800.000	

^[1] Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam), Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với các bên thứ 3 phát sinh và có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước. Do đó, Công ty thực hiện theo dõi các khoản công nợ phát sinh từ trước ngày 31/03/2012 trên mã công nợ của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công còn phát sinh một số nghiệp vụ liên quan với Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam.

^[2] Công ty đang đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư ngày 30/12/2013 với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trong thời gian 5 năm. Mục đích của Quỹ là Đầu tư cho hoạt động xuất bản nhằm phát triển hệ thống xuất bản phẩm giáo dục nói chung và Sách giáo khoa, sách bản thảo nói riêng. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ do các bên góp vốn thực hiện trên cơ sở kết quả đầu tư và mức góp vốn của các nhà đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2015, hoạt động góp vốn này vẫn đang trong giai đoạn triển khai và các bên tham gia Hợp đồng chưa thể xác định được cụ thể về lợi nhuận hay rủi ro sẽ nhận được từ việc đầu tư này.

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Sách - Thiết bị và Xây dựng Trường học Hà Nội	-	-	1.556.426.538	778.213.269
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	6.976.851.025	2.882.027.749	3.714.540.514	1.767.524.487
- Các đối tượng khác	1.908.555.454	151.303.296	4.639.322.542	1.821.873.664
	8.885.406.479	3.033.331.045	9.910.289.594	4.367.611.420

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng Giám đốc vẫn đang hết sức nỗ lực trong việc thu hồi toàn bộ (100%) các khoản nợ phải thu khó đòi này.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.971.627.871	-	38.069.277.557	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.901.962.722	-	4.329.227.188	-
Thành phẩm	26.468.189.115	(4.996.817.636)	16.319.408.255	(2.131.613.536)
Hàng hoá	40.138.379.635	(5.923.924.032)	27.197.463.841	(814.976.270)
Hàng gửi đi bán	13.815.348.716	-	4.302.668.859	-
	146.295.508.059	(10.920.741.668)	90.218.045.700	(2.946.589.806)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập thêm do giá trị các loại Sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý tăng so với thời điểm đầu năm. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành. Giá trị trích lập dự phòng của hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 10.920.741.668 VND.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.419.889.480	322.705.731	3.742.595.211
- Mua trong năm	3.114.338.182	93.727.273	3.208.065.455
- Thanh lý, nhượng bán	(214.288.182)	-	(214.288.182)
Số dư cuối năm	6.319.939.480	416.433.004	6.736.372.484
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.859.098.399	276.011.538	3.135.109.937
- Khấu hao trong năm	455.143.031	67.939.445	523.082.476
- Thanh lý, nhượng bán	(214.288.182)	-	(214.288.182)
Số dư cuối năm	3.099.953.248	343.950.983	3.443.904.231
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	560.791.081	46.694.193	607.485.274
Tại ngày cuối năm	3.219.986.232	72.482.021	3.292.468.253

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.049.967.484 VND.

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B Ngõ 6A, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội với nguyên giá là 87.244.777.643 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2015 là 13.086.716.625 VND trong đó khấu hao từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 là 3.489.791.100 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để cho thuê và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tín dụng số 01/2015-HỆTDHM/NHCT106-HEID ngày 17/07/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

11. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.999.011.818	4.541.011.818
- Công trình nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	4.699.011.818	4.241.011.818
- Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ^[2]	300.000.000	300.000.000
	4.999.011.818	4.541.011.818

^[1] Góp vốn theo Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa các bên Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội; Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;

- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;
- Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản hợp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất:

- Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án;
- Phần vốn tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam;
- Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án.

Năm 2013, Công ty đã góp tiếp số tiền thực hiện dự án là 401.000.000 VND theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2013 là 2.124.950.000 VND.

Năm 2014, Công ty đã góp tiếp số tiền thực hiện dự án là 2.116.061.818 VND. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2014 là 4.241.011.818 VND. Trong đó nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐGV ngày 1/7/2014 là 1.271.061.818 VND; Còn lại là góp vốn theo các công văn với tổng số tiền là 2.943.950.000 VND.

Năm 2015, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 458.000.000 VND. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2015 là 4.699.011.818 VND. Trong đó:

- Góp vốn theo Công văn số 16/CV/HAPCO ngày 26/01/2015 là 19.000.000 VND;
- Góp vốn theo Công văn số 74/CV/HAPCO ngày 13/05/2015 là 122.000.000 VND;
- Góp vốn theo Công văn 183/CV/HAPCO ngày 28/10/2015 là 317.000.000 VND.

^[2] Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại Dự án này đang tạm dừng đầu tư.



12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ^[1]	8.374.560.713	5.269.982.201
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	696.891
- Chi phí sửa chữa, lắp đặt nội thất	-	68.181.818
- Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	308.749.090	313.149.091
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ^[2]	6.093.884.007	5.416.948.432
	14.777.193.810	11.068.958.433
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	45.594.129	-
- Chi phí mua bản quyền in sách	774.176.944	-
- Chi phí thuê kho ^[3]	6.545.454.546	8.727.272.728
	7.365.225.619	8.727.272.728

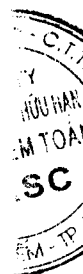
^[1]Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/(Giá vốn hàng bán + Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ).

^[2] Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

^[3] Đây là chi phí thuê kho ở Bộ tổng Tham mưu trả trước cho 04 năm từ năm 2015 đến năm 2018 theo Hợp đồng thuê kho số 137/HĐKT ngày 09/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 137/PLHĐKT ngày 01/06/2014.

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (công ty con) với tổng giá trị là 25.190.561.959 VND được phân bổ trong vòng 10 năm (120 tháng), thời gian phân bổ còn lại là 75 tháng, số đã phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm 2015 là 2.519.056.196 VND.



14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	12.934.149.027	12.934.149.027	12.500.264.599	12.500.264.599
- Phải trả cho các đối tượng khác	16.590.581.539	16.590.581.539	17.593.917.761	17.593.837.761
	29.524.730.566	29.524.730.566	30.094.182.360	30.094.102.360
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	15.579.097.193	15.579.097.193	15.684.187.476	15.684.187.476
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)				



16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	99.308.986	101.883.916
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bản, công in	15.004.246.266	1.900.031.011
Trích trước chi phí chiết khấu phát hành	4.258.149.466	730.811.463
Trích trước chi phí vận chuyển	321.830.837	1.000.823.811
Trích trước chi phí bản quyền bộ Từ điển Bách khoa Britannica	411.860.898	-
Chi phí phải trả khác	634.319.545	145.000.000
	20.729.715.998	3.878.550.201

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	261.089.297	328.800.573
Bảo hiểm xã hội	2.144.486	888.344
Bảo hiểm y tế	-	450.226
Bảo hiểm thất nghiệp	-	102.775
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	145.488.640	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	210.714.838	335.128.206
- Cổ tức lợi nhuận đã trả	97.500.000	-
- Phải trả Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam ^[1]	135.978.038	305.579.606
- Phải trả, phải nộp khác	74.736.800	29.548.600
	716.937.261	665.370.124
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.356.843.400	1.722.205.000
	1.356.843.400	1.722.205.000

^[1] Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với các bên thứ 3 phát sinh và có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước. Do đó, Công ty sẽ theo dõi các khoản công nợ phát sinh từ trước ngày 31/03/2012 trên mã công nợ của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam.



18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^[1]	73.028.743.301	73.028.743.301	267.645.847.252	258.937.376.739	81.737.213.814	81.737.213.814
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam ^[2]	15.829.326.057	15.829.326.057	50.895.641.733	60.251.059.816	6.473.907.974	6.473.907.974
	88.858.069.358	88.858.069.358	318.541.488.985	319.188.436.555	88.211.121.788	88.211.121.788

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

^[1]Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐ TDHM-HEID ngày 01/07/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND; Trong đó bao gồm cả tổng số dư L/C phát hành không vượt quá 50.000.000.000 VND; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến 30/06/2016;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh; Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 08 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ; Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công, Theo thông báo kết quả thẩm định và định giá tài sản số 657A/2014 TB-AMC.HN-TĐ ngày 11/06/2014 với giá trị 67.336.000.000 VND.

^[2]Hợp đồng tín dụng số 1300000220577 ngày 31/07/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 32.000.000.000 VND; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 31/07/2016;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ; Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu và được ghi trong sổ kế toán của bên thế chấp tại thời điểm hiện tại hoặc trong tương lai với giá trị ít nhất tương đương 30.000.000.000 VND.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	20.784.654.214	7.166.600.347	25.169.925.543	199.944.470.104
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	28.553.172.548	28.553.172.548
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.463.100.000)	(13.463.100.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.225.896.678	3.103.923.891	(11.329.820.569)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.482.604.859)	(9.482.604.859)
Tặng khác	-	-	-	-	-	32.268.342	32.268.342
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	29.010.550.892	10.270.524.238	19.479.841.005	205.584.206.135
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	29.010.550.892	10.270.524.238	19.479.841.005	205.584.206.135
Tặng do tái phát hành cổ phiếu quỹ ^[1]	-	1.932.783.050	3.200.876.950	-	-	-	5.133.660.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	31.988.678.023	31.988.678.023
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(17.482.320.000)	(17.482.320.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.864.345.521	1.570.514.323	(7.434.859.844)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.333.060.030)	(3.333.060.030)
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.570.514.323)	(1.570.514.323)
Chi phí tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(11.294.052)	-	-	-	-	(11.294.052)
Tặng khác	-	-	-	-	-	13.645.980	13.645.980
Giảm phần lợi ích công ty mẹ không còn được hưởng ở công ty liên kết khi trở thành công ty con	-	-	-	(6.448.064)	-	(90.974.349)	(97.422.413)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	-	34.868.448.349	11.841.038.561	21.570.436.462	220.225.579.320

^[1] Căn cứ vào Nghị quyết số 8-2014/NQ-HĐQT ngày 10/12/2014 của Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch bán toàn bộ 431.400 cổ phiếu quỹ nhằm mục đích bổ sung vốn cho sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ số cổ phiếu trên cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vào ngày 20/01/2015 với giá giao dịch bình quân là 11.900 đồng/cổ phiếu (mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu). Phần chênh lệch giữa giá giao dịch và mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần với số tiền là 1.932.783.050 VND.

Diễn giải	Tỷ lệ	Tại các công ty con,		Tổng cộng
		Tại công ty mẹ	liên kết(*)	
	%	VND		
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.141.028.646	192.031.384	3.333.060.030
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.570.514.323	-	1.570.514.323
Trích Quỹ bổ sung Vốn chủ sở hữu	5%	1.570.514.323	-	1.570.514.323
Chi trả cổ tức		17.482.320.000	-	17.482.320.000
Trích quỹ đầu tư phát triển		5.495.830.814	368.514.707	5.864.345.521

(*) Số liệu đã điều chỉnh theo tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại mỗi công ty con và công ty liên kết.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	55.932.000.000	37,29%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	12.083.890.000	8,06%	10.222.890.000	6,82%
Các cổ đông khác	77.670.110.000	51,78%	79.531.110.000	53,02%
Vốn góp tương ứng với cổ phiếu quỹ	-	0,00%	4.314.000.000	2,88%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.482.320.000	13.463.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.482.320.000	13.463.100.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	431.400
- Cổ phiếu phổ thông	-	431.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	14.568.600
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	14.568.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	34.868.448.349	29.010.550.892
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.841.038.561	10.270.524.238
	46.709.486.910	39.281.075.130

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn:	5.929.105.673	5.929.105.673
- Từ 1 năm trở xuống	3.583.112.945	3.583.112.945
- Từ 1 năm đến 5 năm	2.345.992.727	2.345.992.727

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	473.897.618.137	373.114.836.534
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	241.583.464.645	203.093.171.156
- Doanh thu lịch Block	3.563.073.382	5.157.165.588
- Doanh thu sách tham khảo	166.200.528.157	63.220.045.783
- Doanh thu nhượng bán vật tư	44.074.313.813	54.306.243.165
- Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	18.476.238.140	47.338.210.842
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.848.361.578	7.107.290.287
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	763.059.091
	481.745.979.715	380.985.185.912
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	114.524.590.541	66.681.598.152

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.551.849.045	4.120.649.650
Hàng bán bị trả lại	1.850.245.127	2.067.495.308
	7.402.094.172	6.188.144.958

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	343.459.987.498	281.328.051.396
- Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	165.814.920.604	146.931.221.379
- Giá vốn bán lịch Block	2.971.471.125	4.736.807.855
- Giá vốn bán sách tham khảo	114.805.548.144	35.153.333.751
- Giá vốn bán vật tư	45.885.204.410	55.124.713.031
- Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	13.982.843.215	39.381.975.380
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.188.599.046	5.675.645.414
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	763.059.091
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.974.151.862	(3.548.577.195)
	357.622.738.406	284.218.178.706

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	241.912.247	325.791.612
Lãi bán các khoản đầu tư	600.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.090.488.750	113.407.290
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	500.500
	1.932.400.997	439.699.402

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.674.508.613	6.221.659.380
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	160.295.300	1.999.960.736
Hoàn nhập/ Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	514.100	(7.514.000)
Chi phí tài chính khác	1.737.359	875.474
	5.837.055.372	8.214.981.590

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.690.787	23.557.362
Chi phí nhân công	15.961.411.561	13.348.468.672
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	231.275.975	265.787.692
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.200.619	171.847.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.111.953.615	9.158.704.373
Chi phí khác bằng tiền	10.248.497.231	7.192.436.383
	47.678.029.788	30.160.801.991

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.822.359.015	944.721.647
Chi phí nhân công	7.163.144.059	5.947.666.323
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	79.652.027	111.009.614
Chi phí khấu hao tài sản cố định	438.881.857	141.315.444
Thuế, phí và lệ phí	469.454.390	277.950.000
Chi phí dự phòng	309.397.260	468.023.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.133.065.814	1.459.686.663
Chi phí khác bằng tiền	3.342.972.716	5.247.282.105
Lợi thế thương mại phân bổ	2.519.056.196	2.559.509.511
	23.277.983.334	17.157.165.143

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22.727.273	-
Bất lợi thương mại khi hợp nhất Công ty con	462.447.873	-
Thu nhập từ thanh lý sách cũ, lạc hậu	90.289.377	212.171.818
Thu nhập khác	-	25.542.652
	575.464.523	237.714.470

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí liên quan đến thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2012 ngày 04/3/2012 ^[1]	1.121.689.474	-
Phạt hợp đồng, phạt hành chính, phạt thuế	-	433.341.017
Chi phí khác	101.063.395	45.805.685
	1.222.752.869	479.146.702

^[1] Xử lý căn cứ theo Biên bản đối chiếu số liệu số 02/BBĐC-HHVN ngày 08/06/2015 giữa Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Giáo dục Hà Nội, Công ty TNHH một thành viên Hồng Hà Thành công và Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam về việc phân chia tiền thuế GTGT được hoàn từ dự án đầu tư cho Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam.

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Mẹ	8.752.279.601	7.861.186.573
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty Con	845.808.605	280.004.683
	9.598.088.206	8.141.191.256

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	31.988.678.023	28.553.172.548
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.988.678.023	28.553.172.548
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.954.715	14.568.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.139	1.960

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu. Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.333.421.027	113.178.333.657
Chi phí nhân công	23.124.555.620	19.296.134.995
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	310.928.002	376.797.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	523.082.476	313.162.953
Thuế, phí và lệ phí	469.454.390	277.950.000
Chi phí dự phòng	309.397.260	468.023.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.146.903.390	57.534.085.563
Chi phí khác bằng tiền	37.051.976.435	12.439.718.488
Lợi thế thương mại	2.519.056.196	2.559.509.511
	298.788.774.796	206.443.716.309

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.508.880.544	-	49.219.443.206	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.626.068.626	(5.852.075.434)	47.938.231.060	(5.542.678.174)
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(102.786.600)	118.776.400	(102.272.500)
Đầu tư dài hạn	750.000.000	-	4.750.000.000	-
	87.003.725.570	(5.954.862.034)	102.026.450.666	(5.644.950.674)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	88.211.121.788	88.858.069.358
Phải trả người bán, phải trả khác	31.598.511.227	32.481.757.484
Chi phí phải trả	20.729.715.998	3.878.550.201
	140.539.349.013	125.218.377.043

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

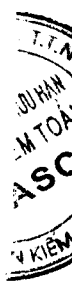
Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.508.880.544	-	-	35.508.880.544
Phải thu khách hàng, phải thu khác	40.634.193.192	4.139.800.000	-	44.773.993.192
Đầu tư ngắn hạn	15.989.800	-	-	15.989.800
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	-	750.000.000
Cộng	76.159.063.536	4.889.800.000	-	81.048.863.536
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.219.443.206	-	-	49.219.443.206
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.255.752.886	4.139.800.000	-	42.395.552.886
Đầu tư ngắn hạn	16.503.900	-	-	16.503.900
Đầu tư dài hạn	-	4.750.000.000	-	4.750.000.000
Cộng	87.491.699.992	8.889.800.000	-	96.381.499.992

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	88.211.121.788	-	-	88.211.121.788
Phải trả người bán, phải trả khác	30.241.667.827	1.356.843.400	-	31.598.511.227
Chi phí phải trả	20.729.715.998	-	-	20.729.715.998
	139.182.505.613	1.356.843.400	-	140.539.349.013

Tại ngày 01/01/2015

Vay và nợ	88.858.069.358	-	-	88.858.069.358
Phải trả người bán, phải trả khác	30.759.552.484	1.722.205.000	-	32.481.757.484
Chi phí phải trả	3.878.550.201	-	-	3.878.550.201
	<u>123.496.172.043</u>	<u>1.722.205.000</u>	<u>-</u>	<u>125.218.377.043</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2015</u>
	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	318.541.488.985

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2015</u>
	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	319.188.436.555

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh sách và thiết bị giáo dục	Cho thuê bất động sản và xây dựng	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và dịch vụ	466.495.523.965	10.556.610.444	477.052.134.409	(2.708.248.866)	474.343.885.543
Giá vốn từ bán hàng và dịch vụ	351.434.139.360	6.188.599.046	357.622.738.406	-	357.622.738.406
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	115.061.384.605	4.368.011.398	119.429.396.003	(2.708.248.866)	116.721.147.137
Tài sản bộ phận	406.875.868.553	107.096.601.040	513.972.469.593	(138.916.476.222)	375.055.993.371
Nợ phải trả của các bộ phận	179.831.783.082	2.442.335.794	182.274.118.876	(27.443.704.825)	154.830.414.051

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		114.524.590.541	66.681.598.152
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	247.163.006	66.732.076
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	6.450	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	21.631.656.480	21.196.391.490
Công ty Cổ phần Sách Dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	1.111.635.228	222.912.756
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	3.840.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	3.297.364.095
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	12.600.357.590	2.352.415.048
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	8.200.887.032	7.470.290.245
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	6.279.607.282	3.116.183.521
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	3.778.600	151.986.876
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn	95.835.500	4.151.520
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	6.217.654.235	1.878.910.075
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	46.378.505.852	17.631.702.150
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	50.203.958
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn	-	598.758.196
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	2.895.565.388	2.502.796.927
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	3.964.637.643	3.229.775.402
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	8.394.043	40.589.591
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.304.667.619	571.927.997
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	-	3.286.920
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	137.530.000	41.627.300
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.958.293.669	1.570.789.552
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	488.414.924	678.962.457

Mua hàng hóa		77.220.066.628	63.871.505.252
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	5.909.091	2.500.000
Công ty Cổ phần Sách Dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	4.403.166.384	6.519.356.967
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	35.595.991.534	22.163.287.465
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	125.000.000	131.250.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	40.203.504	35.511.588
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	4.810.000	144.000
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	371.530.041	314.067.360
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	21.444.700	11.604.780
Công ty Cổ phần Sách Đại học Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	289.475.624	52.470.176
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	750.102.040	646.458.576
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	10.261.742.719	12.309.720.645
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.316.865.016	2.522.993.364
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn	5.134.400.960	3.658.111.929
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	389.326.419	1.010.296.765
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	6.775.058.187	3.957.871.666
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	-	1.056.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	5.571.429	3.682.800
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Cùng Tập đoàn	10.729.468.980	10.527.138.311
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	3.982.860
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng		616.676.363	342.304.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	264.436.363	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	352.240.000	342.304.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia		997.500.000	1.020.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học	Công ty liên kết	825.000.000	907.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	112.500.000	112.500.000

Ứng trước cho người bán		5.714.728	35.390.200
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	5.714.728	35.390.200

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

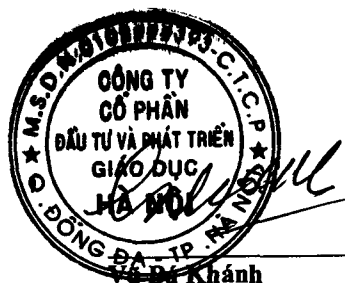
	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	1.886.003.276	2.300.807.411



38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
121	Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	121	Chứng khoán kinh doanh	118.776.400	-
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(102.272.500)	122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(102.272.500)	-
135	Các khoản phải thu khác	5.012.019.867	136	Phải thu ngắn hạn khác	5.220.019.867	208.000.000
158	Tài sản ngắn hạn khác	208.000.000	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(208.000.000)
218	Phải thu dài hạn khác	4.100.000.000	216	Phải thu dài hạn khác	4.139.800.000	39.800.000
268	Tài sản dài hạn khác	39.800.000	268	Tài sản dài hạn khác	-	(39.800.000)
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	150.000.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	150.000.000.000	-
417	Quỹ đầu tư phát triển	9.039.091.479	418	Quỹ đầu tư phát triển	29.010.550.892	19.971.459.413
418	Quỹ dự phòng tài chính	19.971.459.413				(19.971.459.413)
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.479.841.005	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.479.841.005	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(2.465.331.062)	-
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	21.945.172.067	-



Võ Đức Khánh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
 Người lập

